

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VÉT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán

M.S.C. 2020

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 27
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nạo vét và Xây dựng Đường Thủy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nạo vét và Xây dựng Đường Thủy hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty Nạo vét và Xây dựng Đường Thủy 1 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0200167006 ngày 20 tháng 11 năm 2014 các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần từ lần thứ 01 thứ 05 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Nạo vét luồng lạch, cầu cảng, cửa âu, ụ, triều: nạo vét sông hồ bảo vệ môi trường;
- Phá dỡ san lấp mặt bằng, phun hút tạo bãi, lắp đặt hệ thống xây dựng khác và hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi, đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí;
- Sửa chữa và cho thuê máy móc thiết bị, sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện thủy.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Võ Thị Thanh Vân	Chủ tịch
Ông Ngô Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Lê Văn An	Ủy viên
Bà Đỗ Hương Giang	Ủy viên
Ông Phạm Quốc Trọng	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đặng Tuấn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Danh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hà	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc 

Đặng Tuấn Minh

Số : 96/2021/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nạo vét và Xây dựng Đường thủy, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Các khoản công nợ phải thu và phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ với các đối tượng có liên quan. Cụ thể tỷ lệ xác nhận:

Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2020	Số chưa được đối chiếu, xác nhận	Tỷ lệ chưa được đối chiếu
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	48.775.296.965	36.026.931.998	74%
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.707.362.287	1.707.362.287	100%
- Phải trả người bán ngắn hạn	15.979.589.260	15.979.389.260	100%

Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@ascn.com.vn / Web: www.ascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.ascn.com.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 16.833.732.065 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm: "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng lên với số tiền 16.833.732.065 đồng, "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" cùng giảm đi với số tiền 16.833.732.065 đồng; chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tăng lên và giảm đi cùng số tiền là 16.833.732.065 đồng.
- Tại ngày 31/12/2020, trên khoản mục hàng tồn kho đang theo dõi "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" của công trình "Nạo vét thủy điện + cầu 53.000 T Nam Triệu" với số tiền là 1.382.170.075 đồng nhưng kiểm toán viên không được cung cấp đánh giá về khả năng thu hồi. Do vậy, nếu thực hiện ghi nhận khoản chi phí này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 sẽ làm cho "Chi phí khác" tăng lên với số tiền 1.382.170.075 đồng; "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" cùng giảm đi với số tiền là 1.382.170.075 đồng. Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và "Hàng tồn kho" trên Bảng cân đối kế toán cùng giảm với số tiền là 1.382.170.075 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nạo vét và Xây dựng Đường thủy tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng: Như trình bày thuyết minh số VIII.4, trong năm tài chính 2020 Công ty tiếp tục lỗ 48.968.166.910 đồng, số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 259.597.535.019 đồng chưa bao gồm ảnh hưởng bởi các ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên, vượt quá vốn góp của chủ sở hữu 229.597.535.019 đồng. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 128.304.166.305 đồng. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Kiểm toán viên

Phạm Đức Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5308-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.108.494.776	66.899.888.099
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.725.902.851	4.672.260.138
1.	Tiền	111		1.725.902.851	3.722.260.138
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	950.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.043.253.536	54.052.376.167
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	48.775.296.965	51.440.246.965
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.707.362.287	1.641.579.588
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	866.566.732	829.980.520
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(15.446.541.542)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		140.569.094	140.569.094
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	6.339.338.389	8.175.251.794
1.	Hàng tồn kho	141		6.339.338.389	8.175.251.794
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.512.966.845	159.745.619.277
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		139.076.454.330	151.857.527.052
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	139.076.454.330	151.857.527.052
	- Nguyên giá	222		420.301.304.828	449.373.803.156
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(281.224.850.498)	(297.516.276.104)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	40.000.000	40.000.000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.000.000	40.000.000
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.396.512.515	7.848.092.225
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3.396.512.515	7.848.092.225
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		186.621.461.621	226.645.507.376

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY
Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		416.218.996.640	407.274.875.485
I.	Nợ ngắn hạn	310		172.412.661.081	163.468.539.926
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	15.979.589.260	19.357.753.378
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.854.550.949	1.914.550.949
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.308.931.601	5.451.197.490
4.	Phải trả người lao động	314		688.769.867	696.677.261
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.839.612.213	2.839.612.213
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	87.809.244.062	73.187.497.206
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	58.931.963.129	60.021.251.429
II.	Nợ dài hạn	330		243.806.335.559	243.806.335.559
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	74.680.867.648	74.680.867.648
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	169.125.467.911	169.125.467.911
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(229.597.535.019)	(180.629.368.109)
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	(229.597.535.019)	(180.629.368.109)
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(259.597.535.019)	(210.629.368.109)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(210.629.368.109)	(176.903.276.421)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(48.968.166.910)	(33.726.091.688)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		186.621.461.621	226.645.507.376

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đặng Tuấn Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	15.422.909.094	49.425.918.182
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.422.909.094	49.425.918.182
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	29.667.692.637	63.462.075.257
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(14.244.783.543)	(14.036.157.075)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	103.266.864	96.112.530
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	16.450.911.170	13.920.527.682
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.450.832.209	13.920.527.682
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	20.280.103.226	5.834.179.159
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(50.872.531.075)	(33.694.751.386)
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	2.018.489.863	144.009.456
12.	Chi phí khác	32	VI.06	114.125.698	175.349.758
13.	Lợi nhuận khác	40		1.904.364.165	(31.340.302)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(48.968.166.910)	(33.726.091.688)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(48.968.166.910)	(33.726.091.688)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(16.323)	(11.242)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	(16.323)	(11.242)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hà



Nguyễn Thị Hà



Đặng Tuấn Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		19.765.765.455	41.642.379.393
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11.011.547.829)	(34.933.236.876)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.981.937.394)	(3.226.347.400)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(300.000.000)	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		36.516.575	178.917.337
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.246.708.242)	(855.934.310)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.737.911.435)	2.805.778.144
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.178.500.000)	(182.903.183)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.956.154.545	36.363.636
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		103.266.864	96.077.992
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		880.921.409	(50.461.555)

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VÉT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.089.288.300)	(156.100.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.089.288.300)	(156.100.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.946.278.326)	2.599.216.589
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.672.260.138	2.073.009.011
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(78.961)	34.538
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.725.902.851	4.672.260.138

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Hà

Đặng Tuấn Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây lắp.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Nạo vét luồng lạch, cầu cảng, cửa âu, ụ, triền: nạo vét sông hồ bảo vệ môi trường;
- Phá dỡ san lấp mặt bằng, phun hút tạo bãi, lắp đặt hệ thống xây dựng khác và hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi, đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí;
- Sửa chữa và cho thuê máy móc thiết bị, sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện thủy.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 38 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	119.416.532	9.948.079
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.606.486.319	3.712.312.059
- Các khoản tương đương tiền	-	950.000.000
Cộng	1.725.902.851	4.672.260.138

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	48.775.296.965	51.440.246.965
- Tổng Công ty Xây dựng đường thủy - CTCP	15.571.267.458	15.571.267.458
- Công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu	13.483.204.914	13.483.204.914
- Công ty TNHH Cơ giới Mỹ Dung	5.950.000.000	7.760.000.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	13.770.824.593	14.625.774.593
Cộng	48.775.296.965	51.440.246.965

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	15.571.267.458	15.571.267.458
- Tổng Công ty Xây dựng đường thủy - CTCP	15.571.267.458	15.571.267.458
Cộng	15.571.267.458	15.571.267.458

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY
 Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>1.707.362.287</i>	<i>1.641.579.588</i>
- Công ty Cổ phần Vận tải Xây dựng Phương Nam	1.170.300.201	1.170.300.201
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	537.062.086	471.279.387
Cộng	1.707.362.287	1.641.579.588

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	<i>866.566.732</i>	<i>-</i>	<i>829.980.520</i>	<i>-</i>
- Tạm ứng	866.066.732	-	829.480.520	-
- Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
Cộng	866.566.732	-	829.980.520	-

05. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty xây dựng số 12	1.963.336.628	-	-	-
- Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Nam Triệu	13.483.204.914	-	-	-
Cộng	15.446.541.542	-	-	-

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2.654.175.536	-	2.632.513.536	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.685.162.853	-	5.542.738.258	-
Cộng	6.339.338.389	-	8.175.251.794	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>40.000.000</i>	<i>40.000.000</i>
- Sửa chữa lớn	40.000.000	40.000.000
Cộng	40.000.000	40.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY
Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	21.489.413.302	425.191.289.681	1.796.445.000	896.655.173	449.373.803.156
- Mua trong năm	-	1.178.500.000	-	-	1.178.500.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(29.443.073.328)	(807.925.000)	-	(30.250.998.328)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	21.489.413.302	396.926.716.353	988.520.000	896.655.173	420.301.304.828
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15.419.365.435	279.589.829.046	1.796.445.000	710.636.623	297.516.276.104
- Khấu hao trong năm	302.178.708	13.632.212.575	-	25.181.439	13.959.572.722
- Phân loại lại	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(29.443.073.328)	(807.925.000)	-	(30.250.998.328)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	15.721.544.143	263.778.968.293	988.520.000	735.818.062	281.224.850.498
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	6.070.047.867	145.601.460.635	-	186.018.550	151.857.527.052
2. Tại ngày cuối năm	5.767.869.159	133.147.748.060	-	160.837.111	139.076.454.330

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 47.812.492.792 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 87.229.187.292 VND và 8.365.963.274 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY
Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn	3.396.512.515	7.848.092.225
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.854.178.777	5.513.719.339
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.542.333.738	2.334.372.886
Cộng	3.396.512.515	7.848.092.225

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- <i>Vay đối tượng khác</i>	60.021.251.429	60.021.251.429	-	1.089.288.300	58.931.963.129	58.931.963.129
+ Vay cán bộ, công nhân viên	198.000.000	198.000.000	-	-	198.000.000	198.000.000
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	59.823.251.429	59.823.251.429	-	1.089.288.300	58.733.963.129	58.733.963.129
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ^(a)	48.700.000.000	48.700.000.000	-	-	48.700.000.000	48.700.000.000
+ Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam ^(b)	11.123.251.429	11.123.251.429	-	1.089.288.300	10.033.963.129	10.033.963.129
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- <i>Vay dài hạn</i>	169.125.467.911	169.125.467.911	-	-	169.125.467.911	169.125.467.911
Từ 1 năm đến 5 năm	169.125.467.911	169.125.467.911	-	-	169.125.467.911	169.125.467.911
- <i>Vay ngắn hạn</i>	169.125.467.911	169.125.467.911	-	-	169.125.467.911	169.125.467.911
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ^(a)	169.125.467.911	169.125.467.911	-	-	169.125.467.911	169.125.467.911
Cộng	229.146.719.340	229.146.719.340	-	1.089.288.300	228.057.431.040	228.057.431.040

^(a) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (Vốn vay ODA) theo hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2013/HĐODA-SDBS ngày 16/12/2013 đầu tư tàu hút bùn Thái Bình Dương. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất trong hạn 3,5%/năm.

^(b) Khoản vay Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam theo biên bản chuyển giao nợ ngày 29 tháng 12 năm 2011 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam và Công ty Cổ phần Nạo vét Đường thủy để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm		
	Gốc	Lãi	Phí
Vay	30.700.000.000	49.131.471.767	2.761.198.549
	11.123.251.429	12.940.008.408	-
	41.823.251.429	62.071.480.175	2.761.198.549

Vay

- + Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng
- + Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam

Cộng

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	15.979.589.260	15.979.589.260	19.357.753.378	19.357.753.378
	1.245.751.177	1.245.751.177	1.245.751.177	1.245.751.177
	3.511.467.771	3.511.467.771	3.511.467.771	3.511.467.771
	2.452.205.119	2.452.205.119	2.452.205.119	2.452.205.119
	8.770.165.193	8.770.165.193	12.148.329.311	12.148.329.311
Cộng	15.979.589.260	15.979.589.260	19.357.753.378	19.357.753.378

Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Hàng Hải Sao Mai
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quý Dương
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Phát
- Phải trả cho các đối tượng khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.854.550.949	1.854.550.949	1.914.550.949	1.914.550.949
- Tổng Công ty Xây dựng đường thủy - CTCP	1.530.000.000	1.530.000.000	1.530.000.000	1.530.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Chấn Nam	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	124.550.949	124.550.949	184.550.949	184.550.949
Cộng	1.854.550.949	1.854.550.949	1.914.550.949	1.914.550.949

b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

- Tổng Công ty Xây dựng đường thủy - CTCP

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	1.530.000.000	1.530.000.000	1.530.000.000	1.530.000.000
	1.530.000.000	1.530.000.000	1.530.000.000	1.530.000.000
	1.530.000.000	1.530.000.000	1.530.000.000	1.530.000.000

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.205.680.929	1.104.675.729	2.200.000.000	-	1.110.356.658
- Thuế thu nhập cá nhân	-	5.329.260	20.089.742	22.587.741	-	2.831.261
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	593.305.938	844.095.319	888.538.938	-	548.862.319
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.646.881.363	5.000.000	5.000.000	-	2.646.881.363
Cộng	-	5.451.197.490	1.973.860.790	3.116.126.679	-	4.308.931.601

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY
Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.839.612.213	2.839.612.213
- Chi phí vận chuyển đất sau nạo vét công trình Nghi Sơn	1.280.164.448	1.280.164.448
- Chi phí thuê phụ công trình Nghi Sơn	1.504.885.946	1.504.885.946
- Chi phí phải trả khác	54.561.819	54.561.819
Cộng	2.839.612.213	2.839.612.213

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	87.809.244.062	73.187.497.206
- Kinh phí công đoàn	245.661.229	233.770.097
- Bảo hiểm xã hội	430.234.294	1.374.500.212
- Bảo hiểm y tế	167.729.584	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	86.965.618.955	71.579.226.897
+ Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	12.940.008.408	12.420.121.213
- Lãi vay phải trả	12.828.143.623	12.308.256.428
- Phải thu thanh lý tài sản	111.864.785	111.864.785
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	71.523.615.329	55.892.670.315
+ Các đối tượng khác	2.501.995.218	3.266.435.369
b. Dài hạn	74.680.867.648	74.680.867.648
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.680.867.648	74.680.867.648
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	74.680.867.648	74.680.867.648
Cộng	87.809.244.062	73.187.497.206

(*): Chi phí đi vay phải trả.

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	(176.903.276.421)	(146.903.276.421)
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	(33.726.091.688)	(33.726.091.688)
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	(210.629.368.109)	(180.629.368.109)
Số dư đầu năm nay			
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	(48.968.166.910)	(48.968.166.910)
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	(259.597.535.019)	(229.597.535.019)

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY
Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	15.300.000.000	51%	15.300.000.000	51%
Tổng Công ty Xây dựng đường thủy - CTCP	14.217.000.000	47,39%	14.217.000.000	47,39%
Các cổ đông khác	483.000.000	1,61%	483.000.000	1,61%
Cộng	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	522,08	548,48
- EUR	30,43	41,43

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.422.909.094	49.425.918.182
Cộng	15.422.909.094	49.425.918.182

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.667.692.637	63.462.075.257
Cộng	29.667.692.637	63.462.075.257

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	103.266.864	96.077.992
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	34.538
Cộng	103.266.864	96.112.530

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	16.450.832.209	13.920.527.682
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	78.961	-
Cộng	16.450.911.170	13.920.527.682

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.956.154.545	27.743.256
- Nợ phải trả được xóa	-	116.266.200
- Các khoản khác	62.335.318	-
Cộng	2.018.489.863	144.009.456

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt chậm nộp	68.533.425	175.349.758
- Các khoản khác	45.592.273	-
Cộng	114.125.698	175.349.758

CÔNG TY CỔ PHẦN NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

Số 8 Nguyễn Tri Phương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	20.280.103.226	5.834.179.159
- Chi phí nhân viên quản lý	3.035.000.308	2.741.864.449
- Chi phí khấu hao TSCĐ	327.360.147	1.315.905.605
- Thuế, phí và lệ phí	473.847.157	599.323.875
- Chi phí dự phòng	15.446.541.542	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.109.000	13.778.270
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	995.245.072	1.163.306.960
Cộng	20.280.103.226	5.834.179.159

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(48.968.166.910)	(33.726.091.688)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(48.968.166.910)	(33.726.091.688)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(16.323)	(11.242)

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(48.968.166.910)	(33.726.091.688)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(48.968.166.910)	(33.726.091.688)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(16.323)	(11.242)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.918.646	17.558.087.987
- Chi phí nhân công	7.341.514.468	7.263.339.077
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.959.572.722	17.336.672.849
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.652.781.221	1.097.594.633
- Chi phí khác bằng tiền	8.597.970.820	9.253.629.617
- Chi phí dự phòng	15.446.541.542	-
Cộng	48.090.299.419	52.509.324.163

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Thù lao	180.000.000	180.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	454.661.000	449.550.000
Cộng	454.661.000	449.550.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy – CTCP	Cổ đông nắm giữ 47,39% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam</i>		
Chi phí lãi vay	519.887.195	749.620.294

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.12 Công ty còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam</i>		
- Vay ngắn hạn	10.033.963.129	11.123.251.429
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	12.940.008.408	12.420.121.213
Tổng cộng nợ phải trả	22.973.971.537	23.543.372.642

03. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2020, Công ty tiếp tục lỗ 48.968.166.910 đồng, số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 259.597.535.019 đồng, vượt quá vốn góp của chủ sở hữu 229.597.535.019 đồng. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 128.304.166.305 đồng. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Tổng Giám đốc



Đặng Tuấn Minh